

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án điều chỉnh “Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 11 tháng 3 năm 2015 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sa Thầy để thành lập huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai 2013;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình bố trí dân cư vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 Hướng dẫn thực hiện Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020”; số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 Quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: số 827/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị mới, huyện lỵ huyện mới Mô Rai, tỉnh Kon Tum đến năm 2030; số 891/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; số 603/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia H’Drai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 595-TB/TU ngày 13 tháng 2 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 317/SNN-KH ngày 02 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Đề án điều chỉnh “Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 2. Căn cứ Đề án được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Ia H’Drai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ như đã nêu trong Đề án; tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray, Giám đốc Công ty cổ phần cao su Sa Thầy, Giám đốc Công ty TNHH MTV 78; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Duy Tân, Giám đốc Công ty cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum; Giám đốc Chi nhánh 716 - Tổng Công ty 15, Tổng đội Thanh Niên – Tinh Đoàn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD thực hiện Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai (theo Quyết định số 775-QĐ/TU của Tỉnh ủy Kon Tum);
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội BP tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- HU các huyện, Thành ủy Kon Tum;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CVP, PVP UBND tỉnh^{NN};
- Lưu: VT, NN⁵

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

**ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH “ĐỀ ÁN DI DÂN, BỐ TRÍ, SẮP XẾP,
DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI”**

*(kèm theo Quyết định số **285**/QĐ-UBND ngày **23** tháng 3 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN THỨ NHẤT
MỞ ĐẦU**

Huyện Ia H'Drai được thành lập theo Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tách ra từ huyện Sa Thầy, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Kon Tum có diện tích tự nhiên 98.013,22 ha, cách thành phố Kon Tum khoảng 120km, gồm các xã Ia Dom, Ia Đal, Ia Toi. Phía Đông giáp huyện Chư Păh và Ia Grai, tỉnh Gia Lai; phía Tây giáp các huyện Tà Veng và Đumia, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia (chiều dài khoảng 76,4 km); phía Nam giáp huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; phía Bắc giáp xã Mô Rai, huyện Sa Thầy; địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Đây là khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt có thể mạnh về phát triển cây công nghiệp dài ngày (các doanh nghiệp thuộc tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam và Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng cũng như các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã triển khai nhiều dự án trồng cao su, diện tích cao su hiện nay trên khu vực là 26.230 ha); các công trình thủy điện lớn trên sông Sê San qua Ia H'Drai: Thủy điện Sê San 3A-108 MW, Thủy điện Sê San 4-360 MW, Thủy điện Sê San 4A -63 MW, tất cả đã hoàn thành và phát điện hoà lưới quốc gia. Bên cạnh tiềm năng phát triển kinh tế, đây còn là địa bàn có vị trí chiến lược, quan trọng về quốc phòng an ninh.

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

Thực hiện Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là *Đề án 162*) phát sinh một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện như: Các hộ dân trên địa bàn các huyện thành phố có nhu cầu di dân nhưng không thuộc đối tượng nêu trên gây khó khăn trong việc di dân, không thu hút được nguồn dân cư trong độ tuổi lao động để làm công nhân cho các doanh nghiệp trồng cao su... Bên cạnh đó, hầu hết các doanh nghiệp trồng cao su trên địa bàn đang trong thời kỳ kiến thiết xây dựng cơ bản nên khó khăn về nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng và thực hiện các chính sách hỗ trợ..., do đó để thu hút dân cư và hình thành các khu dân cư sinh sống tập trung trên địa bàn huyện Ia H'Drai và khai thác tối đa về nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần bền vững trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

2. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm bố trí, sắp xếp dân cư, đảm bảo nguồn nhân lực khai thác tiềm năng lợi thế về đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng; đồng thời, góp phần thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, gắn với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại vùng biên giới phía Tây nam của tỉnh.

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng (*Điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế ...*), nhà ở, đất ở và đất sản xuất... nhằm sớm ổn định đời sống cho các hộ dân đến tái định cư trên địa bàn huyện với mục tiêu "tốt hơn nơi ở cũ" và là điều kiện để chia tách, thành lập thêm 04 xã, thị trấn theo Quy hoạch định hướng phát triển kinh tế xã hội khu vực huyện Ia H'Drai.

3. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 11 tháng 3 năm 2015 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sa Thầy để thành lập huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai 2013;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình bố trí dân cư vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 Hướng dẫn thực hiện Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020"; số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 Quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: số 827/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị mới, huyện lỵ huyện mới Mô Rai, tỉnh Kon Tum đến năm 2030; số 891/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; số 603/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia H'Drai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 595-TB/TU ngày 13 tháng 2 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai và các văn bản chỉ đạo Tỉnh và quy định của Chính phủ, các Bộ ngành

PHẦN THỨ HAI ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI HUYỆN IA H'DRAI

1. Vị trí địa lý

Huyện mới Ia H'Drai có diện tích tự nhiên là 98.013,22 ha, gồm 03 xã: Ia Dom, Ia Đal, Ia Tơi⁽¹⁾ với 09 thôn, có vị trí:

- Phía Đông: giáp Huyện Chư Pah và Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Phía Tây giáp các huyện Tà Veng và Đumia, tỉnh Ratanakiri, Campuchia (chiều dài đường biên giới 76,4 km);
- Phía Nam giáp huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Phía Bắc giáp xã Mô Rai, huyện Sa Thầy;

Huyện mới Ia H'Drai có vị trí thuận lợi trong giao thương vùng và liên vùng, từ trung tâm huyện mới Ia H'Drai: Đi thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo tuyến 14C (tỉnh Kon Tum) - Tỉnh lộ 664 (tỉnh Gia Lai) khoảng 90km; đi Huyện Đumia, tỉnh Natarakiri, Campuchia khoảng 50km (qua cửa khẩu phụ Hồ Đá); đi thị trấn Plei Kần (Quốc lộ 14C) khoảng 90 km; đi thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy theo tuyến quốc lộ 14C-Tỉnh lộ 674 khoảng 85km; Đi thành phố Kon Tum theo quốc lộ 14C-Tỉnh lộ 675 khoảng 115 km, theo quốc lộ 14C - Sê San 3 - Ya Tăng khoảng 80 km.

2. Địa hình

Huyện mới Ia H'Drai nằm ở phía Tây dãy Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và Đông sang Tây, dốc ở phía Bắc và độ dốc thấp 2% -5% ở phía Nam, phần lớn có độ dốc từ 15⁰ - 25⁰.

Huyện Ia H'Drai có 2 dạng địa hình chính: (i) Địa hình núi cao ở phía Đông - Bắc có độ cao trung bình từ 800 - 1.700 mét so với mực nước biển; (ii) Địa hình đồi lượn sóng: Có độ cao trung bình từ 180 - 300 mét so với mực nước biển, với độ dốc phổ biến từ 8-25⁰. Trên địa hình này có điều kiện phát triển sản xuất cây nông nghiệp (cây công nghiệp lâu năm), nông lâm kết hợp. Địa hình thung lũng hẹp và vùng đất bồi tụ, là địa bàn chủ yếu sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm.

Nhìn chung, địa hình của huyện rất đa dạng, khá phức tạp, mức độ chia cắt lớn, độ dốc cao gây khó khăn trong xây dựng cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện, truyền thanh truyền hình vào các trung tâm kinh tế - xã hội... Tuy nhiên những thuận lợi là có khả năng xây dựng hồ đập thủy điện, thủy lợi. Ở những khu vực thung lũng, bãi bồi được bồi đắp hàng năm làm tăng thêm độ màu mỡ cho đất. Địa hình khuất gió do được che chắn bởi các dãy núi cao là điều kiện tốt để phát triển cây dài ngày như: cao su, cà phê, cây ăn quả cho năng suất cao...

⁽¹⁾Thành lập theo Nghị quyết 126 ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ

3. Khí hậu, thời tiết

Theo kết quả phân vùng khí hậu tỉnh Kon Tum, huyện Ia H'Drai thuộc tiểu vùng khí hậu II₂ (TVII₂) và tiểu vùng II₃ (TVII₃) gọi là tiểu vùng khí hậu đồi núi thấp Plây Tráp-Hạ Lang phía Tây nam của khu vực. Tổng tích ôn 8.000 - 8.500⁰C rất thuận lợi cho sinh trưởng của nhiều loại cây trồng.

- Nhiệt độ trung bình năm từ 20-23⁰C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 38⁰C, thấp nhất tuyệt đối 4,5⁰C. Mùa đông nhiệt độ tháng lạnh nhất vào tháng 1 và tháng 2, nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất 7⁰C; chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm từ 7 đến 16,5⁰C. Do đặc điểm địa hình nên những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.

- Tổng lượng mưa trung bình 1.737 mm, năm cao nhất 2.172 mm, năm thấp nhất 1.309 mm phân bố không đồng đều trên toàn lãnh thổ và theo xu thế càng lên phía Bắc vùng thì lượng mưa càng lớn. Mưa được chia thành 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10, chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm.

+ Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau, mưa ít, lượng mưa chỉ chiếm khoảng 10% cả năm.

- Độ ẩm không khí bình quân năm là 79,5%; độ ẩm cao tuyệt đối 100% và độ ẩm thấp tuyệt đối 21%.

- Lượng bốc hơi bình quân 2,2 mm/ngày. Các tháng mùa mưa có lượng bốc hơi bình quân 1-1,5 mm/ngày, lượng bốc hơi mùa khô 3-3,5 mm/ngày.

- Hướng gió thịnh hành là gió Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ bình quân 2,6 m/s.

4. Tài nguyên nước và thủy năng

Huyện Ia H'Drai có nhiều suối nhỏ được phân bố đều trên địa bàn và 2 con sông lớn gồm: (i) Sông Sa Thầy: Nằm ở phía Tây nam của khu vực, chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam có nước quanh năm, diện tích lưu vực khoảng 150.000 ha, trên sông này xây dựng được các công trình thủy lợi, thủy điện lớn và nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống cho tiểu vùng Mô Rai; (ii) Sông Sê San nằm ở phía Đông và Đông nam, ranh giới giữa hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Do tài nguyên nước dồi dào kết hợp với địa hình phong phú nên khu vực này rất có lợi thế phát triển thủy điện. Các công trình thủy điện lớn trên sông Sê San qua huyện mới Ia H'Drai: Thủy điện Sê San 3A-108 MW, Thủy điện Sê San 4-360 MW, Thủy điện Sê San 4a-63 MW, tất cả đã hoàn thành và phát điện hoà lưới quốc gia.

- Nguồn nước mặt: Huyện Ia H'Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện. Lượng mưa trung bình hàng năm lớn, hệ thống sông suối dày. Nguồn nước mặt tương đối phong phú về mùa mưa, nhưng về mùa khô thường bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Nguồn nước ngầm: Theo khảo sát sơ bộ, nguồn nước ngầm khá khan hiếm

do độ sâu lớn và thường gặp nền đá móng phía dưới.

5. Tài nguyên đất

5.1. Diện tích

Huyện Ia H'Drai, có diện tích tự nhiên là 98.013,22 ha, trong đó đất nông nghiệp 85.863 ha chiếm 87,6%, trong đó, đất trồng cây hàng năm là 982,25 ha; đất trồng cây lâu năm là 26.230 ha; đất có rừng là 58.650,8 ha; đất phi nông nghiệp 4.016,87 ha chiếm 4,1%, đất chưa sử dụng 8.133,3 ha chiếm 8,3%.

5.2. Thổ nhưỡng

- Chủ yếu là đất vàng đỏ trên đá mắc ma a xít (Fa), đất phù sa ngòi suối. Nhìn chung, đất có khả năng nông nghiệp chủ yếu là trên các loại đất xám trên phù sa ngòi suối, đất đỏ vàng trên đá Mac ma axít được bồi lắng và phù sa có tầng loang lổ; ở một số vùng đất có tầng dày canh tác rất phù hợp với phát triển cây công nghiệp dài ngày.

- Với quỹ đất rộng, quỹ đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người lớn, và điều kiện địa hình, thổ nhưỡng phù hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp (*cây cao su*) với quy mô lớn; đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến. Diện tích đất ở các khe suối, khu vực đầm lầy... phù hợp cho phát triển lúa nước.

6. Tài nguyên thiên nhiên

6.1. Tài nguyên rừng

Tổng diện tích rừng tự nhiên trong khu vực là 58.650,76 ha. Theo số liệu quy hoạch 3 loại rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt, toàn bộ diện tích rừng này thuộc rừng phòng hộ và rừng sản xuất, trong đó: diện tích rừng thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sa Thầy quản lý là 34.648 ha; thuộc lâm phần UBND xã Ia Dom, Ia Đal, Ia Tơi quản lý: 23.724,05 ha, cụ thể như sau: (i) Rừng thuộc trạng thái IIIa3 là 7.650,29 ha; (ii) Rừng thuộc trạng thái IIIa2 là 20.854,5 ha; (iii) Rừng thuộc trạng thái IIIa1 là 5.824,81 ha; (iv) Rừng thuộc trạng thái IIb: 1.089,44 ha; (v) Rừng thuộc trạng thái Iia là 4.435,55 ha; (vi) Rừng thuộc trạng thái HG: 8.542,68 ha; (vii) Rừng thuộc trạng thái TN là 448,3 ha. Trong tổng diện tích 98.103,22 ha, trong đó: đất có rừng 58.650,76 ha; đất không có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp khoảng 7.611 ha; đất trồng cao su 26.230 ha; đất khác 5.521,4 ha. Đặc điểm rừng huyện Ia H'Drai có độ che phủ cao, thảm thực vật dày, còn nhiều khu rừng nguyên sinh có trữ lượng gỗ cao. Phần lớn diện tích rừng nằm ở khu vực có độ cao lớn so với mực nước biển. Hiện còn khoảng 15.000 ha là có khả năng chuyển đổi sang mục đích nông nghiệp và mục đích khác, số còn lại phải bảo vệ khoanh nuôi.

6.2. Tài nguyên động thực vật

a) Tài nguyên thực vật rừng

- Hệ thực vật rừng: Sự đa dạng về địa hình, đất đai và khí hậu đã tạo nên môi trường thuận lợi cho sự sinh sống của nhiều hệ thực vật có thành phần rất đa dạng

và phong phú:

+ Hệ thực vật Bắc Việt Nam - Nam Trung Hoa, chủ yếu là loài cây lá kim của ngành phụ hạt trần như: thông 3 lá, thông 2 lá, pơmu. Ngoài ra, còn có các loại cây lá rộng của họ giẻ (Fagaceae) họ Thích (Aceraceae), họ Đỗ quyên (Ericaceae), họ Hối (Bliciaceae) phân bố trên địa hình núi cao và trung bình.

+ Hệ thực vật Indonexia, Malaixia, đại diện có họ Bàng (Combretaceae), họ Tử vi (Lithraceae), họ Gạo (Bombaceae) phân bố trên kiểu địa hình núi thấp và cao nguyên.

+ Hệ thực vật tại chỗ gồm chi Dầu (Dipterocarpus), chi Cà te (Pahudia), chi Chiêu liêu (Terminalia), chi Bồ hòn (Sepindus) phân bố ở hầu hết các địa hình.

- Các loại cây gỗ kinh tế: Trong tổ thành thực vật của Kon Tum có nhiều loài cây quý hiếm như: Trắc mật, Cẩm lai, Gụ mật, Hương trà, Dáng hương, Cà le, Cẩm thi, Muồng đen, Lát bông. Ngoài ra, cần phải kể đến những cây có giá trị kinh tế như: Gội nếp, Vành vênh, Huỳnh đường, Sao đen, Sao xanh, Săng lẻ... dùng cho tàu thuyền, cầu cống; Xoay, Đinh hương, Lòng máng, Gội nếp, Giỏi đỏ, Giỏi xanh cho xây dựng và đồ gia dụng. Cẩm lai, Trắc, Cẩm thi, Pơmu... cho điêu khắc mỹ nghệ. Thông 3 lá, thông 2 lá, vạng trứng... cho nguyên liệu giấy.

b) Hệ động vật

Hệ động vật tại huyện Ia H'Drai phong phú, có 300 loài thú và hơn 70 loài chim khác nhau.

6.3. Tài nguyên khoáng sản

Theo số liệu điều tra sơ bộ cho thấy trên địa bàn khu vực có các mỏ kim loại đen, chủ yếu là các mỏ sắt, đá Granit, và các loại khoáng sản, cấu trúc khác nhau và vị trí nằm rải rác. Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: Gồm vài điểm mỏ có thể khai thác đá xây dựng, cát xây dựng, cuội sỏi, ... đã thăm dò và đánh giá trữ lượng có thể đảm bảo cho đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trong Khu vực.

6.4. Tài nguyên du lịch và cảnh quan thiên nhiên-môi trường

- Huyện mới Ia H'Drai nói riêng và huyện Sa Thầy nói chung là khu vực có lợi thế để phát triển du lịch sinh thái kết hợp nghiên cứu dân tộc học. Dọc theo tuyến quốc lộ 14C, nối với đường Hồ Chí Minh tuyến Bắc-Nam, qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y và nối với các tỉnh phía Nam; dự kiến sẽ đề nghị mở cửa khẩu Hồ Đá (VN)- O Za Xát (CPC), Đăk Côi (VN) - Kontuineo (CPC) để tạo điều kiện trong việc trao đổi, giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội đồng thời tạo tuyến hành lang tham quan du lịch dọc theo quốc lộ 14C.

- Hiện nay, một số làng dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống với những bản sắc riêng, đây cũng là một nguồn tài nguyên về du lịch nhân văn của khu vực.

- Nằm xa các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu vực hiện không có những nhà máy lớn nên chưa xảy ra tình trạng ô nhiễm không khí do chất thải công nghiệp.

- Trên địa bàn khu vực còn có nhiều địa danh có thể khai thác phát triển du lịch, trong đó phải kể đến các địa danh nổi tiếng như các công trình thủy điện (Sê San 3A, Sê San 4) gắn với hồ thủy điện.

Mở rộng ra các địa bàn lân cận từ Ia H'Drai đi còn có Vườn Quốc gia Chư Mom Ray với suối nước nóng. Di chỉ Lung Leng tại xã Sa Bình. Căn cứ cách mạng B3, Hồ Le, Phà 10, Ngã ba 90, Tổng kho K13, Bệnh viện 21... Các làng nghề, lễ hội văn hoá của làng đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Rơ Mâm cần được bảo tồn nằm trên tuyến hành lang du lịch quốc lộ 14C.

6.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng tới việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực

Huyện Ia H'Drai có thế mạnh về đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, nguồn nước cho hồ thủy điện và phát triển du lịch sinh thái...

Đất đai bằng phẳng, điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, hồ tiêu. Ngoài ra, khu vực này còn có nguồn thủy năng, khoáng sản dồi dào, phù hợp với phát triển công nghiệp. Khu vực này có quốc lộ 14c đi qua, có cửa khẩu Hồ Đá mở ra cơ hội giao thương và phát triển kinh tế đối ngoại. Tuy vậy, do xa trung tâm tỉnh lỵ, khí hậu khắc nghiệt, nguồn nước ngầm khan hiếm (đầu tư hệ thống cấp nước tập trung với chi phí lớn) nên có khó khăn cho phát triển kinh tế.

Nhìn chung, đây là khu vực có những điều kiện cho phép khả năng phát triển kinh tế - xã hội khá thuận lợi, gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường bền vững.

7. Thực trạng về dân cư trên địa bàn và quy hoạch các điểm dân cư:

- Về dân cư: Hầu hết dân cư đến sinh sống trên địa bàn huyện chủ yếu do các doanh nghiệp trồng cao su thực hiện và cán bộ công chức, viên chức được luân chuyển điều động đến công tác. Tổng số dân cư đến theo các dự án là 5.361 nhân khẩu⁽²⁾, ngoài số lao động chính thức của các doanh nghiệp còn có số lao động đến làm việc theo thời vụ, dân cư sinh sống bằng ngành nghề khác với khoảng 6.000 người. Thành phần dân tộc chủ yếu trên địa bàn gồm: Kinh, Thái, Mường, Nùng, Tày và một số dân tộc thiểu số khác, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 59%. Toàn bộ dân số được bố trí tại 28 điểm dân cư⁽³⁾ thuộc 16 thôn/3 xã, chi tiết được bố trí.

- Về quy hoạch điểm dân cư: Thực hiện quy hoạch được 68 điểm dân cư, trong đó, đã thỏa thuận được 53 điểm⁽⁴⁾, số điểm đã phê duyệt quy hoạch chi tiết là 27 điểm⁽⁵⁾, số điểm đã có dân cư sinh sống là 28 điểm, với tổng diện tích dự kiến quy hoạch là 2.182,87 ha (chi tiết tại Phụ lục 01&03 đính kèm).

⁽²⁾ Trong đó: Lao động chính thức của các doanh nghiệp tuyển dụng là 3.282 người, số lượng người ăn theo là 2.019 người.

⁽³⁾ Tính đến tháng 7/2015; vị trí 2 của Cty TNHH MTV Chư Momray thuộc địa bàn 2 thôn (thôn 1 & 2) của xã Ia Đal.

⁽⁴⁾ Doanh nghiệp 45 điểm; trung tâm hành chính huyện và trung tâm các xã 8 điểm.

⁽⁵⁾ Doanh nghiệp 19 điểm; trung tâm hành chính huyện và trung tâm các xã 8 điểm.

PHẦN THỨ BA NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu:

- Sắp xếp, bố trí dân cư trên địa bàn, đảm bảo dân số để thành lập và chia tách thêm 04 xã, thị trấn mới theo Quy hoạch định hướng; tạo nguồn lao động cho các doanh nghiệp đang triển khai các dự án trên địa bàn; xây dựng tuyến phòng thủ tuyến biên giới vững chắc. Dự kiến đến năm 2020 số dân trên địa bàn khoảng từ 32.000 - 33.000 người và đến năm 2025 số dân trên địa bàn khoảng 37.000 người.

- Đảm bảo nguồn nhân lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng.

2. Nội dung thực hiện (gồm 02 Phương án bố trí, sắp xếp dân cư):

2.1. Phương án bố trí, sắp xếp dân cư đến làm công nhân cho các Doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su trên địa bàn huyện Ia H'Drai gắn với sắp xếp, bố trí dân cư thuộc diện giãn dân từ các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh:

2.1.1. Số lượng điểm dân cư: 61 điểm dân cư, gồm các điểm dân cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện và các điểm dân cư dự kiến sẽ hình thành đến năm 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai với diện tích khoảng 1.415,47 ha (Có phụ lục 1 & 2 kèm theo).

2.1.2. Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2025 tổng số hộ dân tại 61 điểm dân cư này đạt 6.780 hộ với 20.791 khẩu

2.1.3. Đối tượng: Là người dân trong độ tuổi lao động có lý lịch nhân thân rõ ràng, đảm bảo các điều kiện để được cư trú tại khu vực biên giới theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ, theo thứ tự ưu tiên:

(i) Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh, trước hết là trên địa bàn huyện Sa Thầy thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ mới tách có sức lao động nhưng không có đất sản xuất và có nguyện vọng đi xây dựng huyện mới Ia H'Drai (theo Thông báo số 937-TB/TU ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai).

(ii) Các hộ nghèo, hộ thiếu đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

(iii) Chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và sinh viên tốt nghiệp ra trường tình nguyện lên xây dựng vùng biên giới.

(iv) Người lao động trong tỉnh.

(v) Người lao động ngoài tỉnh.

2.1.4. Chính sách:

- Hỗ trợ di chuyển, nhà ở 30 triệu đồng/hộ (di dân đến các thôn không giáp biên giới); 35 triệu đồng (di dân đến các thôn giáp biên giới)⁽⁶⁾.

- Được các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su tạm ứng ít nhất 30 triệu đồng

⁶ Quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020.

để xây dựng nhà ở.

- Hỗ trợ lương thực 12 tháng (15kg gạo/người/tháng).

- Đất ở: Mỗi hộ gia đình di dân được giao 1.000 m² đất ở (trong đó, từ 200m² đến 400m² đất thổ cư và từ 600m² đến 800m² đất vườn) theo quy định của pháp luật; được các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su tạm ứng kinh phí cho các hộ để nộp tiền sử dụng đất ở.

- Mỗi hộ gia đình được nhận khoán từ 3-5 ha cao su; những nơi có điều kiện khai hoang ruộng nước, giao Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai quy định cụ thể diện tích để giao cho các hộ gia đình; ngoài ra các hộ được tận dụng đất của các doanh nghiệp chưa sử dụng (đất bờ lô, hợp thiêu) để trồng trọt và chăn nuôi.

- Được đào tạo nghề trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su theo quy định tại Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2.1.5. Cơ sở hạ tầng:

- Khái toán vốn đầu tư một điểm dân cư khoảng 10.000 triệu đồng

T T	Danh mục/hạng mục	Giá trị khái toán (Triệu đồng)	Nguồn kinh phí
1	Công trình giao thông	3.500	Cơ chế đầu tư theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; lồng ghép các chương trình; hỗ trợ của các doanh nghiệp/ đơn vị trồng cao su; nguồn huy động của dân.
2	Lưới điện, hệ thống điện	2.000	Dự án điện nông thôn; doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su.
3	Công trình cấp nước	3.000	Ngân sách Nhà nước.
4	Nhà văn hoá, trường mầm non	1.500	Ngân sách nhà nước; đầu tư theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.
Tổng cộng		10.000	

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước⁽⁷⁾, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia; vốn đầu tư của các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su; các nguồn vốn hợp pháp khác và nguồn huy động nguồn vốn từ trong dân, xã hội hóa.

2.1.6. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai:

- Xây dựng dự án đầu tư các điểm dân cư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, phúc lợi xã hội theo tiêu chí nông thôn mới như: Điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, nhà văn hóa thôn... nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đến định cư ổn định đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

- Bố trí đất ở đảm bảo mỗi hộ gia đình di dân được bố trí 1.000 m² (trong đó: 200m² - 400m² đất ở và 600m² - 800m² đất vườn).

⁷ Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương; ngân sách địa phương (tỉnh, huyện);

- Phối hợp với các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyển dụng lao động để bố trí sắp xếp dân cư tại các điểm dân cư.

- Tổ chức đào tạo nghề trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại các dự án bố trí dân cư; chú trọng phát triển cây hàng hóa, chăn nuôi, trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, tạo nguồn thu nhập từ rừng.

- Tổ chức cung ứng giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao cho sản xuất. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất, thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Phát triển ngành nghề đặc biệt là những ngành nghề truyền thống của các dân tộc di cư đến.

- Tăng cường công tác thông tin, tìm kiếm thị trường; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cho hộ dân vùng dự án bố trí dân cư.

b) Các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su:

- Lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nội bộ điểm dân cư và giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng đến các điểm dân cư;

+ Tạm ứng ít nhất 30 triệu đồng/hộ để xây dựng nhà ở.

+ Tạm ứng kinh phí cho các hộ để nộp tiền sử dụng đất ở.

- Giao khoán cho mỗi hộ gia đình từ 3-5 ha cao su; ngoài ra, tạo điều kiện để các hộ được tận dụng đất bờ lô, hợp thủy để trồng trọt và chăn nuôi.

- Các chính khác: Tùy theo khả năng tài chính của các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su để có các hỗ trợ phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyển dụng, đào tạo nghề cho lao động.

- Mỗi doanh nghiệp cao su bố trí từ 01 đến 02 làng công nhân tập trung là cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và có chính sách ưu đãi về thu nhập, nhà ở và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Xây dựng nhà ở cho hộ gia đình công nhân: từ nguồn hỗ trợ kinh phí di chuyển, nhà ở theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3, Quyết định 1776/QĐ-TTg (30 triệu đồng/hộ; 35 triệu đồng/hộ) và nguồn doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su tạm ứng 30 triệu đồng/hộ (có thỏa thuận giữa các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su và các hộ gia đình công nhân).

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi đi:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai và các doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su tiến hành khảo sát, thống nhất điểm dân cư để đưa dân của địa phương đến.

- Tuyên truyền, vận động, lựa chọn, lập danh sách dân cư theo quy định tại Điểm 2.1.3, Mục 2, Phần thứ ba Đề án này; phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai tổ chức bàn giao, đưa các hộ được bố trí ổn định đến nơi ở mới khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng.

- Tùy theo khả năng tài chính của địa phương có các chính sách hỗ trợ cho các hộ di dân phù hợp.

2.2. Phương án sắp xếp, bố trí nguồn dân cư đến làm dịch vụ và cán bộ công chức, viên chức đến công tác tại địa bàn

2.2.1. Số lượng điểm dân cư: Gồm 07 điểm dân cư đã được quy hoạch tại Trung tâm hành chính huyện, Trung tâm hành chính các xã, các điểm dân cư dọc Quốc lộ 14C, gần biên giới có khả năng phát triển kinh doanh - thương mại dịch vụ. Diện tích khoảng 767,4 ha.

2.2.2. Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2025 quy mô dân số tại các điểm dân cư này đạt khoảng 4.754 hộ/14.262 khẩu (*chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

2.2.3. Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị hành chính, sự nghiệp; người dân đầu tư quyền sử dụng đất.

2.2.4. Về cơ sở hạ tầng, nguồn kinh phí thực hiện:

- Các điểm dân cư bố trí cho phương án này nằm trong Khu trung tâm hành chính, do đó cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, phúc lợi xã hội, các chỉ tiêu về đất đai cho các điểm dân cư thực hiện theo quy hoạch chi tiết các điểm dân cư và bố trí Khu trung tâm hành chính theo quy định.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Giải pháp thực hiện

- Huy động sự tham gia của các tổ chức mặt trận, đoàn thể, các tổ chức xã hội và các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí sắp xếp dân cư theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để nhân dân hưởng ứng, đồng thuận với chủ trương giãn dân, bố trí dân cư để hình thành các điểm dân cư mới tại huyện Ia H'Drai; chuẩn bị tốt điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất thiết yếu (*điện, đường, trường học, trạm y tế, cấp nước sinh hoạt....*) phục vụ đời sống nhân dân. Trong năm 2018, triển khai thực việc sắp xếp, bố trí dân cư tại 05 điểm dân cư, gồm: (i) Công ty CP Sâm Ngọc Linh: Điểm dân cư số 3; (ii) Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Duy Tân: Điểm dân cư số 64; (iii) Công ty CP cao su Sa Thầy: Điểm dân cư số 48; (iv) Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray: Điểm dân cư số 41; (v) Chi nhánh 716- Tổng Công ty 15: Điểm dân cư số 34.

- Thành lập Ban quản lý thực hiện công tác bố trí, sắp xếp dân cư cấp huyện và cấp xã để thực hiện quy hoạch sắp xếp lại dân cư.

- Các doanh nghiệp đăng ký với chính quyền địa phương số lượng và nguồn tuyển dụng lao động vào sinh sống và làm việc tại địa bàn (*ưu tiên trước hết lao động trong tỉnh*), quản lý chặt chẽ công tác đăng ký hộ khẩu, hộ tịch.

- Quản lý chặt chẽ dân di cư tự do từ địa phương khác đến không theo chương trình, dự án; kiên quyết đưa ra khỏi địa bàn biên giới các đối tượng di cư tự do có tiền án, tiền sự, vi phạm pháp luật...

- Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, bố trí hợp lý nguồn vốn

của địa phương, huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác, huy động nguồn vốn từ trong dân để đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục tiêu đề ra của Đề án. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ưu tiên đầu tư các hạng mục công trình thiết yếu tại các điểm dân cư.

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai

- Xây dựng kế hoạch cho từng năm và cho cả giai đoạn để triển khai thực hiện; thành lập Ban quản lý cấp huyện và cấp xã để tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện công tác bố trí, sắp xếp dân cư theo Đề án được duyệt, đồng thời, huy động tối đa các nguồn lực, tập trung đầu tư để thực hiện có hiệu quả các nội dung Đề án đã đề ra.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tuyên truyền, vận động người dân thực hiện công tác giãn dân; phối hợp với các cơ quan phụ trách thôn, làng xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong việc triển khai thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn tổ chức rà soát, đăng ký số lượng, nguồn tuyển dụng lao động, đối tượng lao động (*ưu tiên đối tượng lao động trong tỉnh*), thực hiện tốt công tác tuyển dụng lao động theo tiến độ và số lượng lao động đã cam kết; quản lý chặt chẽ công tác đăng ký hộ tịch, hộ khẩu theo quy định hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su và các đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện xây dựng điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho người dân di cư đến thôn giáp biên giới, bảo vệ và phát triển rừng vành đai.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Đề án. Định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định. Định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện có hiệu quả những nội dung của Đề án; hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư thuộc Đề án và lồng ghép các chương trình, dự

án khác để tăng cường tối đa nguồn lực triển khai thực hiện.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn thực hiện Đề án theo khả năng ngân sách địa phương hàng năm. Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ tái định cư; quản lý sử dụng và thanh quyết toán vốn thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

5. Sở Xây dựng theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai triển khai thực hiện Đề án theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung của Đề án; đồng thời lồng ghép các chương trình dự án và nguồn kinh phí hợp pháp khác do đơn vị quản lý đề đầu tư xây dựng tập trung có trọng điểm theo các nội dung Đề án đã được phê duyệt.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum:

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân trên địa bàn biết về việc di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai theo Đề án được duyệt và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trồng cao su trên địa bàn huyện Ia H'Drai; trên cơ sở đó phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai khảo sát, lựa chọn địa điểm bố trí, sắp xếp dân cư của địa phương đến vùng tái định cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai phù hợp với chính sách pháp luật của nhà nước;

- Triển khai thực hiện quy trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Định kỳ 06 tháng, năm tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung trên, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

8. Các doanh nghiệp trồng cao su phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai:

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công nhân, lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư; giải phóng, san gạt mặt bằng; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nội bộ điểm dân cư và giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng đến các điểm dân cư;

- Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách: hỗ trợ về nhà ở, giao khoán đất sản xuất, quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội khác đảm bảo ổn định đời sống cho công nhân ở các điểm dân cư công nhân, nhất là tại các làng dân cư công nhân tập trung là cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Mỗi doanh nghiệp cao su bố trí từ 01 đến 02 làng công nhân tập trung là cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và có chính sách ưu đãi về thu nhập, nhà ở và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Đảm bảo nguồn nhân lực để triển khai thực hiện Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện theo kế hoạch đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh cho khu vực biên giới tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng.

- Định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Đề án điều chỉnh "Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai" 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục 1

Điểm dân cư, quy mô dân số theo Phương án bố trí, sắp xếp dân cư đến làm công nhân cho các Doanh nghiệp/đơn vị trồng cao su gắn với sắp xếp, bố trí dân cư thuộc diện giãn dân từ các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025	
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
	TỔNG:		1.415,47	1.771	5.759	6.780	20.791
*	XÃ IA DOM		320,88	448	1.535	1.565	4.950
<i>I</i>	<i>Xã I (Dự kiến tách ra từ xã Ia Dom)</i>		<i>172,55</i>	<i>126</i>	<i>440</i>	<i>785</i>	<i>2.355</i>
1	Điểm dân cư số 1	681+683	31,89	84	281	150	450
2	Điểm dân cư số 2	694	12,36			60	180
3	Điểm dân cư số 3	694	21,28			100	300
4	Điểm dân cư số 4	710	21,28			100	300
5	Điểm dân cư số 53	704	11,91			50	150
6	Điểm dân cư số 56	684	13,83	42	159	85	255
7	Điểm dân cư số 50	718	20,00			80	240
8	Điểm dân cư số 52	711	20,00			80	240
9	Điểm dân cư số 54	695	20,00			80	240
<i>II</i>	<i>Xã Ia Dom</i>		<i>148,33</i>	<i>322</i>	<i>1.095</i>	<i>780</i>	<i>2.595</i>
10	Điểm dân cư số 47	734	37,22	207	655	250	875
11	Điểm dân cư số 48	721	30,00	20	45	150	450
12	Điểm dân cư số 49	721	28,34	95	395	130	520
13	Điểm dân cư số 51	718	21,49			90	270
14	Điểm dân cư số 57	707	15,64			80	240
15	Điểm dân cư số 58	719	15,64			80	240
*	XÃ IA DAL		628,76	770	2.422	2.990	8.970
<i>III</i>	<i>Xã Ia Dal</i>		<i>337,02</i>	<i>487</i>	<i>1.515</i>	<i>1.725</i>	<i>5.175</i>
16	Điểm dân cư số 5	710	20,00			80	240
17	Điểm dân cư số 6	717	20,00			90	270
18	Điểm dân cư số 7	726	43,73	174	546	300	900
19	Điểm dân cư số 8	720	20,00			90	270
20	Điểm dân cư số 9	726	45,36	85	293	310	930
21	Điểm dân cư số 10	726	31,00	77	240	155	465
22	Điểm dân cư số 11	737	16,27			75	225
23	Điểm dân cư số 12	737	20,00			100	300
24	Điểm dân cư số 13	735	17,45			80	240
25	Điểm dân cư số 14	746	21,28	26	108	90	270
26	Điểm dân cư số 15	745	16,65	38	73	85	255
27	Điểm dân cư số 16	745	26,59	31	97	95	285
28	Điểm dân cư số 17	745	26,59	41	96	95	285
29	Điểm dân cư số 18	746	12,10	15	62	80	240

IV	Xã IV (Dự kiến tách ra từ xã Ia Đal)		291,74	283	907	1.265	3.795
30	Điểm dân cư số 19	754	21,28	35	122	100	300
31	Điểm dân cư số 20	753	21,28	31	96	100	300
32	Điểm dân cư số 21	754	22,61	44	110	110	330
33	Điểm dân cư số 22	753	12,10	21	74	60	180
34	Điểm dân cư số 24	760	15,73	23	98	75	225
35	Điểm dân cư số 25	766	20,00			90	270
36	Điểm dân cư số 26	766	24,44	55	192	110	330
37	Điểm dân cư số 27	766	30,00			120	360
38	Điểm dân cư số 28	754	20,00			90	270
39	Điểm dân cư số 29	768	31,90			120	360
40	Điểm dân cư số 30	766	11,93	14	41	50	150
41	Điểm dân cư số 31	768	4,26	12	47	20	60
42	Điểm dân cư số 32	767	19,93	37	101	90	270
43	Điểm dân cư số 33	771	21,28	11	26	50	150
44	Điểm dân cư số 34	771	15,00			80	240
*	XÃ IA TÔI		465,83	553	1.802	2.225	6.871
V	Xã Ia Tôi		234,01	413	1.323	1.160	3.480
45	Điểm dân cư số 41	755	30,00	15	40	150	450
46	Điểm dân cư số 35	770	62,69	84	305	350	1.050
47	Điểm dân cư số 36	772	29,21	90	250	100	300
48	Điểm dân cư số 37	769	42,61	144	507	250	750
49	Điểm dân cư số 39	769	8,00	10	32	30	90
50	Điểm dân cư số 40	762	25,00			90	270
51	Điểm dân cư số 44	747	11,50	70	189	100	300
52	Điểm dân cư số 61	758	25,00			90	270
VI	Xã IV (Dự kiến chia tách xã Ia Tôi)		231,82	140	479	1.065	3.391
53	Điểm dân cư số 59	740	21,28			100	300
54	Điểm dân cư số 60	758	21,28			100	300
55	Điểm dân cư số 62	752	33,19			160	480
56	Điểm dân cư số 63	750	7,46	140	479	75	421
57	Điểm dân cư số 64	743	30,00			100	300
58	Điểm dân cư số 65	742	28,08			140	420
59	Điểm dân cư số 66	743	27,23			130	390
60	Điểm dân cư số 67	724	38,30			170	510
61	Điểm dân cư số 68	709	25,00			90	270

Phụ lục 2

**Kế hoạch xây dựng điểm dân cư, quy mô dân số theo Phương án bố trí, sắp xếp dân cư đến làm công nhân cho các Doanh nghiệp/đơn vị
trồng cao su gắn với sắp xếp, bố trí dân cư thuộc diện giãn dân từ các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh**

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025		Giai đoạn thực hiện					Số lượng Điểm dân cư thực hiện	Ghi chú
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Tiếp tục thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021-2025		
	TỔNG:		1.415,47	1.771	5.759	6.780	20.791	27	5	5	7	17	61	
I	Tổng đội TNXP		31,89	84	281	150	450	1					1	
1	Điểm dân cư số 1 - Làng TNLN (Tổng đội TNXP)	681+683	31,89	84	281	150	450	x						
II	Công ty CP Sâm Ngọc Linh		108,64	0	0	505	1.515	0	1	1	2	2	6	
2	Điểm dân cư số 2 - Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT1)	694	12,36			60	180				x			
3	Điểm dân cư số 3 - Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT2)	694	21,28			100	300					x		
4	Điểm dân cư số 4 - Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT3)	710	21,28			100	300		x					
5	Điểm dân cư số 6 - Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT4)	717	20,00			90	270			x				
6	Điểm dân cư số 11- Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT6)	737	16,27			75	225				x			
7	Điểm dân cư số 13- Cty CP Sâm Ngọc Linh (VT5)	735	17,45			80	240					x		
III	Công ty CP DT&PT Duy Tân		296,83	252	827	1.460	4.576	2	1	2	3	6	14	
8	Điểm dân cư số 44 - Cty CP DT&PT Duy Tân (VT7)	747	11,50	70	189	100	300	x						
9	Điểm dân cư số 51 - Cty CP DT&PT Duy Tân (VT6)	718	21,49			90	270					x		

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025		Giai đoạn thực hiện					Số lượng Điểm dân cư thực hiện	Ghi chú
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Tiếp tục thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021-2025		
10	Điểm dân cư số 53 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT2)	704	11,91			50	150					x		
11	Điểm dân cư số 56 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT1 + Đội 11A Cty 78)	684	13,83	42	159	85	255				x			
12	Điểm dân cư số 57 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT3)	707	15,64			80	240				x			
13	Điểm dân cư số 58 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT5)	719	15,64			80	240				x			
14	Điểm dân cư số 59 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT13)	740	21,28			100	300					x		
15	Điểm dân cư số 60 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT12)	758	21,28			100	300					x		
16	Điểm dân cư số 62 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT9)	752	33,19			160	480					x		
17	Điểm dân cư số 63 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT4)	750	7,46	140	479	75	421	x						
18	Điểm dân cư số 64 - Trung tâm hành chính xã VI	743	30,00			100	300		x					
19	Điểm dân cư số 65 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT10)	742	28,08			140	420			x				
20	Điểm dân cư số 66 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT11)	743	27,23			130	390			x				
21	Điểm dân cư số 67 - Cty CP ĐT&PT Duy Tân (VT8)	724	38,30			170	510					x		
IV	Công ty CP cao su Sa Thầy		255,65	658	2.174	1.475	4.680	5	1	1	1	0	8	
22	Điểm dân cư số 7 - Cty CP CS Sa Thầy (VT3)	726	43,73	174	546	300	900	x						

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025		Giai đoạn thực hiện					Số lượng Điểm dân cư thực hiện	Ghi chú
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Tiếp tục thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021-2025		
23	Điểm dân cư số 9 - Cty CP CS Sa Thầy (VT4)	726	45,36	85	293	310	930	x						
24	Điểm dân cư số 10- Trung tâm hành chính xã Ia Đal	726	31,00	77	240	155	465			x				
25	Điểm dân cư số 12 - Dự kiến	737	20,00			100	300				x			
26	Điểm dân cư số 47 - Cty CP CS Sa Thầy (VT2)	734	37,22	207	655	250	875	x						
27	Điểm dân cư số 48 - Trung tâm hành chính xã Ia Dom	721	30,00	20	45	150	450		x					
28	Điểm dân cư số 49 - Cty CP CS Sa Thầy (VT1)	721	28,34	95	395	130	520	x						
29	Điểm dân cư số 50	718	20,00			80	240	x				x		
V	Chi nhánh 716 - Tổng công ty 15		252,42	353	1.063	1.110	3.330	12	1	0	0	0	13	
30	Điểm dân cư số 14 - Chi nhánh 716 (Đội 3)	746	21,28	26	108	90	270	x						
31	Điểm dân cư số 15 - Chi nhánh 716 (Đội 4)	745	16,65	38	73	85	255	x						
32	Điểm dân cư số 16 - Chi nhánh 716 (Đội 5)	745	26,59	31	97	95	285	x						
33	Điểm dân cư số 17 - Chi nhánh 716 (Đội 6)	745	26,59	41	96	95	285	x						
34	Điểm dân cư số 18 - Chi nhánh 716 (Đội 2)	746	12,10	15	62	80	240	x						
35	Điểm dân cư số 19 - Chi nhánh 716 (Đội 1)	754	21,28	35	122	100	300	x						
36	Điểm dân cư số 20 - Chi nhánh 716 (Đội 10)	753	21,28	31	96	100	300	x						

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiêu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025		Giai đoạn thực hiện					Số lượng Điểm dân cư thực hiện	Ghi chú
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Tiếp tục thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021-2025		
37	Điểm dân cư số 21 - Chi nhánh 716 (Đội 11)	754	22,61	44	110	110	330	x						
38	Điểm dân cư số 22 - Chi nhánh 716 (Đội 12)	753	12,10	21	74	60	180	x						
39	Điểm dân cư số 24 - Chi nhánh 716 (Đội 7)	760	15,73	23	98	75	225	x						
40	Điểm dân cư số 32 - Chi nhánh 716 (Đội 8)	767	19,93	37	101	90	270	x						
41	Điểm dân cư số 33 - Chi nhánh 716 (Đội 9)	771	21,28	11	26	50	150	x						
42	Điểm dân cư số 34	771	15,00			80	240		x					
VI	Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray		275,04	424	1.414	1.300	3.900	7	1	1	1	0	10	
43	Điểm dân cư số 26 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT2)	766	24,44	55	192	110	330	x						
44	Điểm dân cư số 27 - Trung tâm hành chính xã IV	766	30,00			120	360			x				
45	Điểm dân cư số 29 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT6)	768	31,90			120	360				x			
46	Điểm dân cư số 30 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT4)	766	11,93	14	41	50	150	x						
47	Điểm dân cư số 31 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT5)	768	4,26	12	47	20	60	x						

TT	Tên xã/ Điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Số dân hiện trạng		Số dân dự kiến đến năm 2025		Giai đoạn thực hiện					Số lượng Điểm dân cư thực hiện	Ghi chú
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Tiếp tục thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021-2025		
48	Điểm dân cư số 35 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT2-Đắk Lắk cũ)	770	62,69	84	305	350	1.050	x						
49	Điểm dân cư số 36 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT3)	772	29,21	90	250	100	300	x						
50	Điểm dân cư số 37 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT1)	769	42,61	144	507	250	750	x						
51	Điểm dân cư số 39 - Cty TNHH MTV CS CMR (VT7)	769	8,00	10	32	30	90	x						
52	Điểm dân cư số 41 - Trung tâm hành chính xã Ia Toi	755	30,00	15	40	150	450		x					
VII.	Điểm dân cư dự kiến hình thành trong giai đoạn 2021-2025		195,00	0	0	780	2.340	0	0	0	0	9	9	
*	XÃ IA DOM		40,00	0	0	160	480	0	0	0	0	2		
53	Điểm dân cư số 52 - Dự kiến	711	20,00			80	240					x		
54	Điểm dân cư số 54 - Dự kiến	695	20,00			80	240					x		
*	XÃ IA ĐAL		80,00	0	0	350	1.050	0	0	0	0	4		
55	Điểm dân cư số 5 - Dự kiến	710	20,00			80	240					x		
56	Điểm dân cư số 8 - Dự kiến	720	20,00			90	270					x		
57	Điểm dân cư số 25 - Dự kiến	766	20,00			90	270					x		
58	Điểm dân cư số 28 - Dự kiến	754	20,00			90	270					x		
*	XÃ IA TOI		75,00	0	0	270	810	0	0	0	0	3		
59	Điểm dân cư số 40 - Dự kiến	762	25,00			90	270					x		
60	Điểm dân cư số 61 - Dự kiến	758	25,00			90	270					x		
61	Điểm dân cư số 68 - Dự kiến	709	25,00			90	270					x		

Phụ lục 3

Điểm dân cư và quy mô dân số Phương án sắp xếp, bố trí nguồn dân cư đến làm dịch vụ và cán bộ công chức, viên chức đến công tác tại địa bàn

TT	Tên điểm dân cư	Tiểu khu	Diện tích QH (ha)	Dân số hiện trạng		Số dân dự kiến bố trí đến năm 2025	
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
	Tổng		767,40	63	94	4.754	14.262
1	Điểm dân cư số 23 - Điểm dân cư dự kiến (xã Ia Đal)	760	70,00			200	600
2	Điểm dân cư số 38 - Quy hoạch đầu giá đất ở tại ngã 3 (QL 14C-Sê San)	769	7,40	8	24	104	312
3	Điểm dân cư số 42 - Điểm dân cư dọc QL 14C	755	30,00			150	450
4	Điểm dân cư số 43 - Điểm dân cư dọc QL 14C	755	30,00			150	450
5	Điểm dân cư số 45 - Trung tâm hành chính huyện	747	290,00	55	70	1933	5.800
6	Điểm dân cư số 46 - Trung tâm hành chính huyện	738	310,00			2067	6200
7	Điểm dân cư số 55 - Trung tâm hành chính xã I	695	30,00			150	450